TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NĐ** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 288/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18-6-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Văn D

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NĐ - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Mai Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Quang Bảo

Bà Trần Thị Ánh Tuyết

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Hứa Thu Hằng – Thư ký Toà án nhân dân thành phố NĐ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NĐ tham gia phiên tòa***: Bà Đinh Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố NĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 194/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1984; số căn cước công dân: 01184010481; nơi cư trú: Thôn ĐS, xã MQ, huyện BV, Thành phố Hà Nội; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Trần Văn D, sinh năm 1983; số căn cước công dân: 036083026430; nơi cư trú: Số 7/9/49 đường LHP (địa chỉ cũ: 66^{E} Nam Ô 17), phường QT, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ghi ngày 28-4-2025 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường HL (nay là phường QT), thành phố NĐ vào ngày 13-01-2014. Vợ chồng chị có xảy ra mâu thuẫn từ năm 2021. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách của hai vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng chị đã tìm cách khắc phục mâu thuẫn nhưng không đạt được kết quả. Từ tháng 11-2022 đến nay vợ chồng sống ly thân, mỗi người một nơi, không quan tâm, không chăm sóc nhau. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Trần Văn D.

Về con chung: Chị và anh Trần Văn D có 01 con chung là Trần Gia H1 (giới tính: Nam), sinh ngày 09-02-2015. Nếu ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cháu Trần Gia H1 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh Trần Văn D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn là anh Trần Văn D đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án để viết bản tự khai; không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham gia phiên tòa.

3. Tại Biên bản thu thập chứng cứ ngày 13-01-2014, chính quyền địa phương nơi anh Trần Văn D cư trú cung cấp: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Văn D là vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 13-01-2014 tại Ủy ban nhân dân phường HL (nay là phường QT), thành phố NĐ. Chị H và anh D có 01 con chung là Trần Gia H1 (giới tính: Nam), sinh ngày 09-02-2015. Quá trình chung sống chị H và anh D có xảy ra mâu thuẫn nhưng nguyên nhân mâu thuẫn thì chính quyền địa phương không biết chính xác. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và con chung với anh D, đề nghị Tòa án hỏi ý kiến, nguyện vọng của anh chị và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

4. Tại đơn đề nghị đề ngày 15-5-2025, cháu Trần Gia H1 là con chung của chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Văn D trình bày: Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với mẹ để thuận lợi cho học tập và sinh hoạt của cháu vì từ khi còn bé đến nay cháu ở với mẹ.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NĐ, tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; tiến hành thu thập chứng cứ theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự; tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại các Điều 208, 209, 210, 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm báo cáo, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 68, 69, 70, 71 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Giao cháu Trần Gia H1, sinh ngày 09-02-2025 cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Thu H về việc không yêu cầu anh Trần Văn D cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Quan hệ tranh chấp:*

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 21-3-2025 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Trần Văn D và giải quyết việc nuôi con chung giữa chị và anh D, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Bị đơn là anh Trần Văn D không có yêu cầu phản tố. Do vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:*

Bị đơn là anh Trần Văn D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần 2; chị Nguyễn Thị Thu H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu H và bị đơn là anh Trần Văn D.

[3] *Về nội dung tranh chấp trong vụ án:*

3.1. *Về quan hệ hôn nhân*:

Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường HL (nay là phường QT), thành phố

NĐ vào ngày 13-01-2014. Như vậy, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Văn D là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, theo lời trình bày của chị Nguyễn Thị Thu H và cung cấp của chính quyền địa phương nơi anh Trần Văn D cư trú thì vợ chồng chị H và anh D có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị Nguyễn Thị Thu H trình bày do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 11-2022 vợ chồng sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc nhau. Xét thấy, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Văn D không còn tồn tại trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thu H: Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Văn D theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2. *Về nuôi con:*

Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Văn D có 01 con chung là Trần Gia H1 (giới tính: Nam), sinh ngày 09-02-2015. Chị Nguyễn Thị Thu H đề nghị Tòa án giao cháu Trần Gia H1 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy: Cháu Trần Gia H1 hiện đang do chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Trần Gia H1 cũng có nguyện vọng được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng sau khi bố mẹ ly hôn, chị Nguyễn Thị Thu H có đủ điều kiện nuôi con; vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Trần Gia H1 cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi vợ chồng ly hôn là phù hợp với quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Thu H tự nguyện không yêu cầu anh Trần Văn D cấp dưỡng nuôi con nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

3.3. *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng:*

Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] *Án phí ly hôn sơ thẩm:*

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV: Chị Nguyễn Thị Thu H là nguyên đơn nên phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị Thu H đã nộp được khấu trừ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV;

1. Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Văn D.

2. Về nuôi con:

Giao cháu Trần Gia H1 (giới tính: Nam), sinh ngày 09-02-2015 cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu anh Trần Văn D cấp dưỡng nuôi con.

3. Bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con chung.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Nguyễn Thị Thu H đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002772 ngày 25-4-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố NĐ.

5. Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Văn D được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

6.Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Văn D có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Toà án nhân dân tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố NĐ;
- Chi cục Thi hành án thành phố NĐ;
- UBND phường QT, thành phố NĐ (GCNKH số 11, ngày 13-01-2014);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Mai Anh